TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Vân

2. Ông Trần Văn Nhị

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 142/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 95 Khu B, khu phố R, thị trấn T, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. có mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 95 Khu B, khu phố R, thị trấn T, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông H tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND thị trấn T, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên bà Thủy yêu cầu được ly hôn với ông H, vợ chồng sống ly thân đã 2 tháng nay. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Khánh T, sinh ngày 21/02/2002 và Trần Trúc L, sinh ngày 04/5/2007, ly hôn bà T yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn đúng như lời bà T trình bày, nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông H không đồng ý vì còn thương vợ. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Khánh T, sinh ngày 21/02/2002 và Trần Trúc L, sinh ngày 04/5/2007, nếu ly hôn thì con muốn theo ai thì người đó nuôi.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Trần Minh H là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Minh H đã được Tòa án thông báo đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà T, xét thấy: Bà T và ông H qua quen biết rồi tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99/2001 ngày 02/8/2001. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp đã ly thân đến nay được 02 tháng, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với ông H. Ông H trình bày còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn nhưng từ khi xảy ra mâu thuẫn đến khi Tòa án xét xử ông H không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai cũng ly thân thời gian tương đối dài. Bà T yêu cầu ly hôn là phù hợp nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn. Về con chung, bà T trình bày từ khi sống chung đến nay, bà T và ông H có hai con chung tên Trần Khánh T, sinh ngày 21/02/2002 và Trần Trúc L, sinh ngày 04/5/2007, khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi hai con chung. Xét thấy, theo nguyện vọng của hai con chung là muốn sống chung với cha mẹ, không muốn bà T và ông H ly hôn. Tuy nhiên, hai con chung hiện đang sống chung với bà T nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà T, tiếp tục giao cháu cháu T và cháu L cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng cho con chung do bà T không yêu cầu. Bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì *các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Trần Minh H về tranh chấp ly hôn.

Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Khánh T, sinh ngày 21/02/2002 và Trần Trúc L, sinh ngày 04/5/2007. Ông H không phải cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của bà T, ông H hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà Thủy đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001959 ngày 06/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- UBND thị trấn Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy